

NHỮNG KHÓ KHĂN TÂM LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

ThS. BÙI ĐỨC MINH
Trường Cao đẳng Sơn La

Thực tế đã chứng minh, người học dù ở lứa tuổi nào khi tham gia vào hoạt động học tập (HĐHT) đều gặp những trở ngại, khó khăn tâm lý (KKTL). Sở dĩ có những hiện tượng này là do các yếu tố khách quan và chủ quan gây ra như ảnh hưởng của đời sống, môi trường, cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, năng lực, vốn kinh nghiệm sống bị hạn chế của chủ thể học tập... Đặc biệt, đối với những em vừa chuyển đổi cấp học, những em sống ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) khi làm quen với môi trường học tập mới thì những KKTL càng nhiều. Những KKTL đó nếu không được phát hiện và tháo gỡ kịp thời thì nó sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới HĐHT của cá nhân làm cho cá nhân lo lắng, sợ hãi, xấu hổ, tự ti... và cứ thế họ sẽ bị cuốn vào vòng luẩn quẩn của sự bế tắc. Điều này không những ảnh hưởng đến kết quả học tập mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của người học.

1. Kết quả nghiên cứu theo chân dung sinh viên người dân tộc thiểu số

Trong bài viết này chúng tôi tiến hành xây dựng hai chân dung sinh viên (SV) người DTTS gặp nhiều KKTL trong HĐHT ở Khoa Lao động Xã hội và Khoa Sư phạm Tự nhiên nhằm mục đích làm rõ thêm cho các phương pháp nghiên cứu khác.

Để lựa chọn ra hai SV người DTTS, chúng tôi tham khảo ý kiến của giáo viên chủ nhiệm, các giáo viên trực tiếp giảng dạy, ban cán sự lớp, ý kiến của SV trong lớp và kết quả học tập học kì I của các em, sau đó chọn ngẫu nhiên hai SV có nhiều KKTL nhất để tiến hành nghiên cứu.

Biểu hiện của KKTL trong HĐHT được thể hiện qua ba mặt cơ bản của đời sống tâm lý con người, đó là nhận thức, thái độ và hành vi. Ba mặt này có mối quan hệ, tác động qua lại lẫn nhau, là một chỉnh thể thống nhất tạo ra cấu trúc tâm lý con người. Thông thường nếu nhận thức đúng dẫn đến thái độ đúng, hành vi đúng. Do vậy, trong quá trình học tập, muốn tháo gỡ KKTL chủ thể cần chú ý quan tâm đến cả ba mặt trên.

Chúng tôi tiến hành xây dựng chân dung SV người DTTS gặp KKTL trong HĐHT qua những mặt sau:

- KKTL trong HĐHT biểu hiện qua các khía cạnh: nhận thức, thái độ và hành vi học tập;
 - KKTL trong từng khía cạnh của nhận thức, thái độ và hành vi học tập;
 - Nguyên nhân gây ra KKTL trong HĐHT của SV.
- Để xây dựng được chân dung SV có KKTL, nghiên

cứu này tiến hành các phương pháp cụ thể sau:

- Phỏng vấn sâu SV và giảng viên để tìm hiểu về khó khăn mà SV gặp phải trong HĐHT, nguyên nhân dẫn tới khó khăn đó;
- Dự giờ để quan sát những biểu hiện về khó khăn mà SV gặp phải;
- Phát phiếu hỏi trực tiếp cho hai trường hợp SV được nghiên cứu.

1.1. Trường hợp 1 (chân dung thứ nhất)

SV H, Khoa Sư phạm Tự nhiên, sinh năm 1990. Quê quán tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Em H là SV người dân tộc Thái. Đây là thành phần dân tộc chiếm tỉ lệ lớn nhất trong số các dân tộc của tỉnh Sơn La và cũng là dân tộc chiếm tỉ lệ rất cao ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Về thành phần gia đình: bố mẹ em đều là nông dân, sống và làm việc ở địa phương, chủ yếu là làm nương rẫy. Hoàn cảnh gia đình H gặp nhiều khó khăn. Từ năm 2006 – 2009, H học trung học phổ thông tại huyện Mộc Châu. Do hoàn cảnh gia đình, bố mẹ H mãi đi làm để sinh sống nên ít có điều kiện thời gian chăm lo việc học tập của H. Bên cạnh đó, địa phương nơi H sinh sống và học tập là một xã nghèo, đặc biệt khó khăn; điều kiện, cơ sở vật chất, trình độ của giáo viên... còn nhiều hạn chế. Bản thân H chưa nỗ lực cố gắng nên em đã gặp rất nhiều KKTL trong HĐHT. Kết quả học ở trung học phổ thông và thi tốt nghiệp đều xếp loại trung bình (chỉ qua ngưỡng yếu). Năm 2009, H tốt nghiệp trung học phổ thông, sau đó được đi học cử tuyển 1 năm tại Trường Cao đẳng Sơn La. Năm 2010, sau khi kết thúc thời gian học cử tuyển, em được sang học tại Khoa Sư phạm Tự nhiên. Ngay từ khi còn học phổ thông, H đã gặp nhiều KKTL trong HĐHT dẫn đến việc bị hổng kiến thức. Trước mục đích, yêu cầu cao của HĐHT ở trường cao đẳng đã gây ra không ít KKTL trong quá trình học tập của em. Hết học kì I, kết quả học tập trung bình chung của em là: 5,01 - xếp loại trung bình.

KKTL trong HĐHT biểu hiện qua ba mặt: nhận thức, thái độ và hành vi với 15 KKTL cụ thể như: chưa hiểu mục đích/động cơ của việc học tập, chưa nắm vững phương pháp học, chưa hiểu cách dạy của giáo viên, chưa hiểu những khái niệm bằng ngôn ngữ của người Kinh; không hứng thú học, luôn lo lắng trong học tập, ngại tiếp xúc với giáo viên, bạn bè; khó tập trung chú ý, khó sử dụng ngôn ngữ, khó tự tin khi phát biểu, khó thích ứng với kiểu sinh hoạt mới, khó kiểm soát cảm xúc bản thân, khó sắp xếp thời gian học tập,

khó tìm tài liệu, khó hiểu tài liệu.

Kết quả cụ thể:

Bảng 1: Tổng hợp KKTL trong HĐHT

STT	Số lượng		Σ	\bar{X}	Trung bình
	Các mặt				
1	Nhận thức (với 4 KKTL được trả lời)		10	2,50	1
2	Thái độ (với 3 KKTL được trả lời)		7	2,33	3
3	Hành vi (với 8 KKTL được trả lời)		19	2,37	2
	Σ, \bar{X}		36	2,40	

* Nhận xét:

Kết quả bảng 1 cho chúng ta thấy, H đã gặp nhiều KKTL trong HĐHT với $\bar{X} = 2.40$ (kết quả này nằm trong khung khó khăn ở mức độ cao). Khó khăn trong HĐHT của em H trải đều ở ba mặt. Trong đó, H gặp khó khăn nhất ở mặt nhận thức với 4 KKTL (chưa hiểu mục đích/động cơ của việc học tập, chưa nắm vững phương pháp học, chưa hiểu cách dạy của giáo viên, chưa hiểu những khái niệm bằng ngôn ngữ của người Kinh) có điểm trung bình ở mức độ cao $\bar{X} = 2,50$ xếp thứ 1; tiếp theo là KKTL về mặt hành vi với 8 KKTL (khó tập trung chú ý, khó sử dụng ngôn ngữ, khó tự tin khi phát biểu, khó thích ứng với kiểu sinh hoạt mới, khó kiểm soát cảm xúc bản thân, khó sắp xếp thời gian học tập, khó tìm tài liệu, khó hiểu tài liệu) có điểm trung bình ở mức độ cao với $\bar{X} = 2,37$, xếp thứ 2. Cuối cùng là KKTL về mặt thái độ với 3 khó khăn (không hứng thú học, luôn lơ lảng trong học tập, ngại tiếp xúc với giáo viên, bạn bè) có điểm ở mức độ trung bình với $\bar{X} = 2,33$, xếp thứ 3. Như vậy cả 3 mặt: nhận thức, thái độ và hành vi với 15 KKTL cụ thể được đưa ra đều có điểm trung bình tương đối cao. Trong đó, về mặt nhận thức, hành vi thì em gặp KKTL ở mức độ cao; về thái độ ở mức trung bình.

Qua quá trình trò chuyện, phỏng vấn H cho biết, em gặp khó khăn ở tất cả các mặt trên. Đặc biệt là khó khăn trong việc nhận thức với các khâu “nắm vững phương pháp học ở trường cao đẳng” và “hiểu cách dạy của giáo viên” đều có $\bar{X} = 3.0$. Kết quả này cho thấy, khi bước vào trường cao đẳng thì năng lực học tập của em, đầu vào để học tại trường của em là chưa cao; đồng thời, sự thích ứng với phương pháp học tập của em là chưa tốt nên ảnh hưởng rất lớn đến việc nhận thức trong quá trình học tập. Chính việc nhận thức gặp khó khăn nên trong hành vi học tập của em (8 KKTL cụ thể) cũng bị ảnh hưởng với $\bar{X} = 3,37$ (mức độ khó khăn cao), điều này chứng tỏ rằng nhận thức trong học tập của em chưa tốt dẫn đến hành vi học tập cũng bị hạn chế. Mặc dù, em có chia sẻ rằng “em cũng đã cố gắng

trong học tập nhưng kết quả học tập vẫn chưa tốt”, thể hiện qua điểm thái độ của em với $\bar{X} = 2.33$ (nằm trong mức trung bình). Vậy nguyên nhân nào gây ra những khó khăn kể trên ở em H?

Tiến hành điều tra cho chúng ta thấy, có rất nhiều nguyên nhân gây ra KKTL mà H gặp phải. Theo H các nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng nhiều nhất là: năng lực học của bản thân; chưa có phương pháp học tập hợp lý; rụt rè, nhút nhát, không chịu học hỏi... H cho biết: “*Vì hoàn cảnh gia đình và khả năng nhận thức chậm nên em thường mặc cảm với bạn bè, ngại trao đổi. Mỗi khi gặp khó khăn em thường tự mình tìm hướng giải quyết*”. Chính việc tự mò mẫm, thiếu định hướng này càng làm cho H bế tắc trong việc vận dụng các kĩ năng của HĐHT cũng như việc tìm ra phương pháp học tập hợp lý cho bản thân. Bên cạnh đó, theo H những nguyên nhân khách quan cũng có ảnh hưởng rất lớn tới HĐHT của em. Trong đó, nguyên nhân khách quan ảnh hưởng nhiều nhất là: thiếu sách, giáo trình, tài liệu; kiến thức tiếp thu trong một ngày là quá nhiều; ít được hướng dẫn về phương pháp học tập... H cho biết, muốn khắc phục khó khăn trong học tập thì phải được trang bị thêm phương tiện học tập, tài liệu, sách học tập, sự quan tâm giúp đỡ, chia sẻ của thầy cô, bạn bè ở nhà trường... Bên cạnh đó, việc học ở trường cao đẳng đòi hỏi SV cũng phải có tính độc lập, tự chủ cao. Song những khả năng này ở H còn hạn chế. Tất cả những lí do trên khiến H đã gặp rất nhiều KKTL trong HĐHT, mà cụ thể là kết quả học tập của em là không cao.

1.2. Trường hợp 2 (chân dung thứ hai)

SV Ch, ở Khoa Lao động Xã hội, sinh năm 1990. Quê quán tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Em Ch là SV dân tộc H'Mông. Đây là thành phần dân tộc chiếm tỉ lệ đứng thứ 2 của tỉnh Sơn La và cũng là dân tộc chiếm tỉ lệ rất cao ở các tỉnh miền núi phía Bắc.

Địa bàn cư trú của SV Ch: Em sinh ra và lớn lên tại huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, là một huyện giáp với thành phố Sơn La. Về thành phần gia đình: gia đình em Ch có 5 anh chị em, bố mẹ đều ở nhà làm nương rẫy, Ch là con út trong gia đình, các anh chị của Ch đều đã lấy vợ, lấy chồng, bố mẹ của Ch đã nhiều tuổi nhưng sức khỏe còn tốt, vẫn lao động được. Khi còn nhỏ Ch được học tiểu học ở gần nhà (cách khoảng 2 km) khi lên trung học cơ sở và trung học phổ thông em đều học tại địa phương. Đến năm 2010, em dự thi vào Trường Cao đẳng Sơn La.

Học ở Trường Cao đẳng Sơn La, em cũng được ở trong kí túc xá của trường, phòng có 08 SV cùng chung sống. Bố mẹ em ở nhà biết và nói tiếng Kinh không tốt lắm. Bản thân em Ch do có nhiều thời gian học phổ thông ở ngoài thị trấn nên Ch nói tiếng Kinh rất lưu loát, thành thạo.

Trong quá trình tiếp xúc với Ch, tôi thấy ở Ch sự chất phác, trung thực, thẳng thắn. Khi tôi tìm hiểu về

những sở thích, hứng thú của Ch, những người bạn thân của em cho biết trong lớp em là một SV khá hiền lành, nhiệt tình song ở em vẫn có sự mặc cảm và chưa thực sự tự tin. Hết học kì I, kết quả học tập trung bình chung của em là 5,10.

Qua trao đổi với tôi, Ch cho biết, em gặp rất nhiều KKTL trong học tập. Và KKTL đó được biểu hiện qua 3 mặt: nhận thức, thái độ và hành vi với 15 KKTL cụ thể như: chưa hiểu mục đích/động cơ của việc học tập, chưa nắm vững phương pháp học, chưa hiểu cách dạy của giáo viên, chưa hiểu những khái niệm bằng ngôn ngữ của người Kinh; không hứng thú học, luôn lo lắng trong học tập, ngại tiếp xúc với giáo viên, bạn bè; khó tập trung chú ý, khó sử dụng ngôn ngữ, khó tự tin khi phát biểu, khó thích ứng với kiểu sinh hoạt mới, khó kiểm soát cảm xúc bản thân, khó sắp xếp thời gian học tập, khó tìm tài liệu, khó hiểu tài liệu.

Kết quả cụ thể:

Bảng 2: Tổng hợp KKTL trong HĐHT

STT	Số lượng Các mặt	Σ	\bar{X}	Trung bình
1	Nhận thức (với 4 KKTL được trả lời)	9	2,25	3
2	Thái độ (với 3 KKTL được trả lời)	7	2,33	2
3	Hành vi (với 8 KKTL được trả lời)	19	2,37	1
	Σ, \bar{X}	36	2,35	

*** Nhận xét:**

Qua kết quả ở bảng 2, chúng ta thấy: em Ch đã gặp nhiều KKTL trong HĐHT với $\bar{X} = 2.35$ (kết quả này nằm trong khung khó khăn ở mức độ cao). Khó khăn trong HĐHT của em Ch ở cả 15 KKTL được trả lời. Trong đó, em Ch gặp KKTL ở mặt nhận thức với 4 khó khăn (chưa hiểu mục đích/động cơ của việc học tập, chưa nắm vững phương pháp học, chưa hiểu cách dạy của giáo viên, chưa hiểu những khái niệm bằng ngôn ngữ của người Kinh) ở mức độ khó khăn trung bình, xếp thứ 3 với điểm trung bình $\bar{X} = 2,25$; điều này cho thấy vấn đề KKTL trong việc nhận thức đối với em Ch cũng không phải là quá nghiêm trọng. Tuy nhiên, điểm trung bình KKTL về mặt hành vi với 8 khó khăn (khó tập trung chú ý, khó sử dụng ngôn ngữ, khó tự tin khi phát biểu, khó thích ứng với kiểu sinh hoạt mới, khó kiểm soát cảm xúc bản thân, khó sắp xếp thời gian học tập, khó tìm tài liệu, khó hiểu tài liệu) lại ở mức độ khó khăn cao với $\bar{X} = 2,37$, xếp vị trí thứ 1. KKTL về mặt thái độ với 3 khó khăn (không hứng thú học, luôn lo lắng trong học tập, ngại tiếp xúc với giáo viên, bạn bè) có điểm trung bình ở mức độ khó khăn cao với $\bar{X} = 2,33$,

xếp thứ 2. Kết quả này cho chúng ta thấy, mặc dù KKTL về mặt nhận thức của em Ch không quá nghiêm trọng, ở mức độ trung bình nhưng KKTL về thái độ và hành vi trong học tập của em Ch lại nghiêm trọng, dẫn đến kết quả học tập của em không cao.

Qua quá trình trò chuyện, phỏng vấn Ch cho biết, em gặp khó khăn ở tất cả các mặt trên. Đặc biệt là KKTL trong hành vi học tập của em như: khó tập trung chú ý, khó sắp xếp thời gian học tập; hoặc KKTL về mặt thái độ học tập như không hứng thú với việc học tập... Theo em Ch, các nguyên nhân chủ quan ảnh hưởng nhiều nhất là: năng lực học tập còn hạn chế; không tự tin khi trao đổi những vấn đề về học tập với giáo viên, bạn bè; bị chi phối bởi nhiều mối quan hệ bạn bè, yêu đương; do chưa có phương pháp học tập hợp lí... Trong đó, nguyên nhân khách quan ảnh hưởng nhiều nhất: chưa thích ứng được với phương pháp học tập ở trường cao đẳng; kiến thức học ở trường là quá nhiều; ít được hướng dẫn về phương pháp học tập... Em Ch cho biết, muốn khắc phục khó khăn trong học tập thì phải được hỗ trợ, tư vấn từ phía thầy cô giáo, những anh chị lớp trước, bản thân phải cố gắng hơn nữa... Trong khi đó, học tại trường cao đẳng thì bản thân các em phải là người chủ động trong học tập như tìm kiếm tài liệu, thay đổi phương pháp học, biết cách quản lí thời gian... Tuy nhiên, đây lại là những khả năng còn hạn chế của em Ch, những lí do trên khiến em Ch đã gặp rất nhiều KKTL trong HĐHT, cụ thể là kết quả học tập của em không cao.

2. Kì vọng/mong muốn của sinh viên, giáo viên trong việc hỗ trợ sinh viên vượt qua những khó khăn tâm lí trong hoạt động học tập

Phỏng vấn SV và giáo viên với câu hỏi: "Để SV người DTTS giảm được những KKTL trong HĐHT thì SV và giáo viên cần có những hướng khắc phục gì?". Qua nghiên cứu hai trường hợp trên và kết quả phỏng vấn, họ có một số kì vọng/mong muốn chủ yếu như sau:

Trong quá trình giảng dạy, giáo viên cần hướng dẫn cụ thể phương pháp học tập, linh hoạt tri thức cho SV. Giáo viên Ngô Thị D, Khoa Lao động Xã hội cho rằng: "*Có nhiều giáo viên khi lên lớp cứ thế dạy, chưa có sự phân tích, hướng dẫn cụ thể về phương pháp học để SV có thể tiếp thu kiến thức một cách tốt nhất. Cần phải có sự thay đổi cho phù hợp hơn*"; hoặc SV Hoàng Thị M, Khoa Lao động Xã hội: "*Nhiều thầy cô cho bài tập thảo luận nhóm rồi thuyết trình nhưng không hướng dẫn cụ thể, không kiểm soát quá trình làm việc nhóm nên SV không hình dung ra được yêu cầu, cách thức của bài tập*".

Giáo viên cần chú trọng tới việc biên soạn bài giảng, phương pháp dạy học sao cho phù hợp và sát đối tượng. Giảng viên D, Khoa Sư phạm Tự nhiên mong muốn: "*cần phải quan tâm tới việc soạn bài giảng, cách truyền đạt cho phù hợp với đối tượng SV người DTTS, chú đưa ra quá nhiều kiến thức, không chú ý dạy kĩ năng thi*

SV khó có thể hình dung ra được bài học nhất là ngành kinh tế, kĩ thuật...".

Nhà trường, khoa, giáo viên cần trang bị thêm về phương tiện học tập, giáo trình, tài liệu tham khảo nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho SV học tập. SV Vi Văn N, Khoa Ngoại Ngữ: "Tài liệu, giáo trình học tập ngành Tiếng Anh còn chưa nhiều, nhà trường cần bổ sung tài liệu nước ngoài".

Thường xuyên tổ chức các buổi xêmina, thực hành giúp SV củng cố tri thức kịp thời và rèn luyện các kĩ năng trong quá trình học tập. Nhiều SV Khoa Lao động Xã hội đề xuất: "Ngành học của chúng em cần thực hành nhiều, nhưng chúng em chủ yếu mới học lí thuyết, chưa có nhiều thời gian để thực hành với đối tượng học tập của mình...".

SV cần chủ động, tích cực trong HĐHT cũng như trong các hoạt động khác nhằm thiết lập các mối quan hệ và cách nghi với môi trường học tập mới. Thấy Phó Bí thư Đoàn trường: "Tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động phong trào là cơ hội để SV trải nghiệm, rèn luyện kĩ năng, giải tỏa những căng thẳng, là môi trường sinh hoạt lành mạnh cho SV, nhất là SV người DTTS. Nhưng hiện nay, sức ỳ của các em trong HĐHT và hoạt động đoàn thể là khá lớn. Để các em có thể vượt qua được những KKTL trong HĐHT thì các em phải tích cực tham gia các hoạt động, gắn HĐHT của mình thông qua các hoạt động phong trào".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Thanh Bình, *Nghiên cứu một số trở ngại tâm lí trong giao tiếp của sinh viên với học sinh khi thực tập tốt nghiệp*, Luận án Tiến sĩ Tâm lí học, 1996.
2. Nguyễn Kế Hào, *Giáo trình tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2005.
3. Đặng Vũ Hoạt, *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2004.
4. Bùi Đình Mỹ, *Tim hiểu vấn đề đặc trưng tâm lí dân tộc, Kĩ yếu hội nghị tâm lí học (lần thứ 5)*, 1983.

SUMMARY

Learners, regardless of their age span, would have psychological obstacles and difficulties when they are engaged in learning activities. Particularly, for those students who have just transformed learning level, and those who live in remote, ethnic minority areas would have even more psychological obstacles and difficulties when they familiarize themselves with learning environment. The research results through the student portrait of ethnic minority background in this paper have introduced several judgments regarding psychological difficulties in learning activities among ethnic minority students in Son La College. The research has somewhat shown that this above issue is a real phenomenon which is ongoing in Son La College and warrants further attention and investigations using many innovative methods and approaches.

THỰC TRẠNG LÒNG YÊU NGHỀ... (Tiếp theo trang 44)

môi trường làm việc chưa tốt cũng chiếm tỉ lệ khá cao (trên 70%).

3. Kết luận

Nhìn chung, mức độ biểu hiện lòng yêu nghề của giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh Hải Dương còn hạn chế. Thực trạng này nếu không được khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng tới chất lượng của giáo dục Mầm non, đồng thời tạo nên những vấn nạn mang tính xã hội như nạn bạo hành trẻ em, sự vô cảm, thiếu trách nhiệm với thế hệ tương lai của đất nước.

Nhà trường sư phạm đào tạo giáo viên mầm non cần nhận rõ mục tiêu của mình trong giáo dục sinh viên mầm non về định hướng giá trị nghề nghiệp, trang bị đầy đủ kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp, khơi dậy lòng yêu nghề cho sinh viên mầm non, để họ trở thành những cô giáo mầm non vững tay nghề và yêu nghề sau khi tốt nghiệp.

Nhà nước cũng cần có các chính sách đồng bộ và thỏa đáng về chế độ chính sách để bồi đắp lòng yêu nghề một cách thiết thực nhất cho những người đã và đang lựa chọn nghề giáo viên mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chuẩn nghề nghiệp giáo*

viên mầm non, Ban hành kèm theo Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/1/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008.

2. Phạm Minh Hạc, *Giá trị học*, NXB Giáo dục, 2009.
3. Nguyễn Thị Hòa, *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009.
4. Hồ Lam Hồng, *Giáo trình nghề giáo viên mầm non*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2008.

SUMMARY

The most important quality of a teacher is the love for the profession. This is even more so with a pre-school teacher. Currently, a certain portion of teachers has deteriorated their ethics. Therefore, the assessment of actual status of the love for profession among preschool teachers will constitute important empirical evidence to seek for solutions for this above situation. The survey findings show that, the level of love among preschool teachers for their teaching profession in Hai Duong province remains limited. Consistent and workable solutions are required to address this situation, the most important of which is to create policy regimes satisfactory to teachers and pay attention to education on love for teaching profession for preschool teacher students.